BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2019/TT-BKHĐT *Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2019*

THÔNG TƯ
sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước và hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác; Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 20 tháng 3 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài; Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 3 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Bộ Kế

hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư; Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành đối với thanh tra chuyên ngành thống kê; Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư; Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài; Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư; Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu; Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng; ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo; Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chương I
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU KHOẢN CỦA CÁC THÔNG TƯ LIÊN QUAN ĐẾN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Mục III Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác như sau:

"III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này; trường hợp cần thiết có thể hướng dẫn chi tiết phù hợp yêu cầu của địa phương mình, ngành mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của tổ hợp tác trên địa bàn theo Mẫu THT5 ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo định kỳ 6 tháng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và các Phòng quản lý chuyên ngành có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trước ngày 18 tháng 6 và 18 tháng 12 hằng năm.

3. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của tổ hợp tác trên địa bàn theo Mẫu THT5 ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo định kỳ 6 tháng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở quản lý chuyên ngành có liên quan trước ngày 21 tháng 6 và 21 tháng 12 hằng năm.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của tổ hợp tác trên địa bàn theo Mẫu THT5 ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo định kỳ 6 tháng và cả năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan trước ngày 25 tháng 6 và 25 tháng 12 hằng năm, đồng thời tổng hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương."

5. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Báo cáo định kỳ cả năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản, điểm của Thông tư số 09/2009/TT-BKH ngày 30 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn thực hiện dự án thuộc các Chương trình tín dụng chuyên ngành thuộc nguồn vốn vay Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điểm g Khoản 5.2 Phần II như sau:

"g. Nhiệm vụ theo dõi, đánh giá và báo cáo:

- Theo dõi và thường xuyên cập nhật tình hình giải ngân của các dự án.

- Định kỳ trước ngày 21 của tháng cuối quý, Ban QLDA tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh cho Ban QLCT. (theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này). Báo cáo định kỳ hằng quý tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

- Chậm nhất 15 ngày sau khi nhận được báo cáo quyết toán của Ban QLDA (hoặc Chủ dự án trong trường hợp Ban QLDA đã giải thể), Ban QLDA tỉnh tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Ban QLCT. Trong báo cáo quyết toán, ngoài biểu số liệu, phải có bản thuyết minh về:

+ Tình hình thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án (văn bản hướng dẫn, thủ tục giải ngân, việc tiếp nhận vật tư, thiết bị,… (nếu có).

+ Đánh giá kết quả kinh tế xã hội và những kiến nghị (nếu có).

+ Công suất tăng thêm của toàn bộ công trình hay hạng mục công trình do kết quả đầu tư mang lại."

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm d Khoản 5.3 Phần II như sau:

"d. Nhiệm vụ hành chính, điều phối và báo cáo:

- Tổ chức và quản lý nhân sự Ban QLDA

- Thường xuyên cung cấp thông tin và cập nhật số liệu cho hệ thống thông tin của Chương trình (MIS). Kịp thời phát hiện và báo cáo các khó khăn, vướng mắc phát sinh vượt quá thẩm quyền xử lý cho Ban QLDA tỉnh và Ban QLCT.

- Thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện dự án ở các nội dung: tiến độ, khối lượng, chất lượng, chi phí, biến động… và kịp thời điều chỉnh kế hoạch.

- Cung cấp thông tin liên quan đến dự án theo khuôn khổ trách nhiệm và nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ trước ngày 18 của tháng cuối quý, Ban QLDA có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện dự án cho Ban QLDA tỉnh (theo mẫu tại phụ lục 2 kèm theo Thông tư này). Báo cáo định kỳ hằng quý tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo."

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 như sau:

"2. Chế độ báo cáo

Chế độ báo cáo do Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN) quy định.

a) Báo cáo 6 tháng: Chậm nhất vào ngày 18 tháng 6, Ban Quản lý dự án phải gửi báo cáo về Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN. Thời gian chốt số liệu được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của năm báo cáo.

b) Báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 18 tháng 12, Ban Quản lý dự án phải gửi báo cáo về Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN. Thời gian chốt số liệu được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12.

c) Báo cáo kết thúc dự án: Chậm nhất 6 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện chương trình, dự án, Ban Quản lý dự án phải gửi báo cáo theo mẫu Báo cáo kết thúc chương trình, dự án viện trợ PCPNN bằng văn bản, fax và thư điện tử về Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN."

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 10 như sau:

"2. Chế độ báo cáo

- Báo cáo 6 tháng: Chậm nhất vào ngày 21 tháng 6, Chủ khoản viện trợ PCPNN phải gửi báo cáo theo các mẫu từ Biểu 1 đến Biểu 8 (Phụ lục 6.a) bằng thư điện tử (mẫu Biểu 1 và Biểu 2 gửi cả bằng văn bản, fax và thư điện tử) về Cơ quan chủ quản, Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bên Tài trợ (nếu có yêu cầu). Riêng mẫu Biểu 1 chỉ gửi một lần sau

khi khoản viện trợ PCPNN được phê duyệt việc tiếp nhận (trừ khi có thay đổi). Thời gian chốt số liệu được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6.

- Báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 21 tháng 12, Chủ khoản viện trợ PCPNN phải gửi báo cáo theo mẫu Báo cáo tình hình thực hiện năm (Phụ lục 6.b) bằng văn bản, fax và thư điện tử về Cơ quan chủ quản, Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN và Bên tài trợ (nếu có yêu cầu). Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12.

- Báo cáo kết thúc dự án: Chậm nhất 6 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện chương trình, dự án, Chủ khoản viện trợ PCPNN phải gửi báo cáo theo mẫu Báo cáo kết thúc chương trình, dự án viện trợ PCPNN (Phụ lục 6.c) bằng văn bản, fax và thư điện tử về Cơ quan chủ quản, Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bên tài trợ."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"Điều 11. Chế độ báo cáo và mẫu báo cáo về kết quả vận động và tình hình thực hiện các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền quản lý của Cơ quan chủ quản

1. Báo cáo 6 tháng: Chậm nhất vào ngày 21 tháng 6, Cơ quan chủ quản gửi báo cáo theo mẫu Phụ lục 7 bằng văn bản (hoặc fax) và thư điện tử về Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN. Thời gian chốt số liệu được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6.

2. Báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 21 tháng 12, Cơ quan chủ quản gửi báo cáo theo mẫu Phụ lục 7 bằng văn bản (hoặc fax) và thư điện tử về Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN. Thời gian chốt số liệu được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6."

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"Điều 12. Chế độ báo cáo và mẫu báo cáo về kết quả phê duyệt, quản lý các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền quản lý của Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN

1. Báo cáo 6 tháng: Chậm nhất vào ngày 21 tháng 6, Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN gửi báo cáo theo mẫu Phụ lục 8 bằng văn bản (hoặc fax) và thư điện tử về Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. Thời gian chốt số liệu được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6.

2. Báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 21 tháng 12, Cơ quan chủ quản gửi báo cáo theo mẫu Phụ lục 8 bằng văn bản (hoặc fax) và thư điện tử về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN. Thời gian chốt số liệu được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

"Điều 13. Chế độ báo cáo và mẫu báo cáo đối với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam

Chậm nhất vào ngày 21 tháng 12, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam gửi báo cáo tổng hợp định kỳ hằng năm về tình hình vận động, thu hút viện trợ PCPNN trong cả nước theo mẫu Phụ lục 9 bằng văn bản (hoặc fax) và thư điện tử về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 25 tháng 12. Thời gian chốt số liệu được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

"Điều 14. Chế độ báo cáo và mẫu báo cáo đối với Bộ Tài chính

Bộ Tài chính lập báo cáo tổng hợp định kỳ hằng năm về tình hình tiếp nhận, giải ngân các khoản viện trợ PCPNN trong cả nước theo mẫu Phụ lục 10 trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 25 tháng 12 (bằng văn bản), thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan (bằng văn bản, fax và thư điện tử). Thời gian chốt số liệu được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12."

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

"Điều 15. Chế độ báo cáo và mẫu báo cáo đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo tổng hợp định kỳ hằng năm về tình hình phê duyệt, thực hiện các khoản viện trợ PCPNN trong cả nước theo mẫu Phụ lục 11 trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 25 tháng 12 (bằng văn bản), thông báo cho Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan (bằng văn bản, fax và thư điện tử). Thời gian chốt số liệu được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12."

Điều 4. Bổ sung Điều 17 của Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 3 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 như sau:

"**Điều 17. Chế độ báo cáo**

Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, đoàn thể gửi báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện phát triển bền vững theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 15 của Thông tư này về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Thời gian chốt số liệu được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12."

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã như sau:

"Điều 25. Chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của hợp tác xã

1. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12, hợp tác xã báo cáo trung thực, đầy đủ, chính xác bằng văn bản tình hình hoạt động của hợp tác xã của năm với cơ quan đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-18.

2. Chậm nhất vào ngày 18 tháng 12, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã của năm trên địa bàn huyện theo mẫu quy định tại Phụ lục II-13 gửi cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh.

3. Chậm nhất vào ngày 21 tháng 12, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của năm trên địa bàn tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục II-14 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh, cấp huyện tổng hợp, gửi các cơ quan có liên quan cùng cấp.

5. Thời gian chốt số liệu báo cáo năm tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12."

Điều 6. Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư; Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định

về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành đối với thanh tra chuyên ngành thống kê như sau:

"d) Thời kỳ lấy số liệu, thời hạn gửi báo cáo định kỳ

Báo cáo quý I: Thời kỳ lấy số liệu từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 3 của năm báo cáo. Tổng cục Thống kê gửi báo cáo về Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 21 tháng 3 của năm báo cáo. Cục Thống kê gửi báo cáo về Tổng cục Thống kê trước ngày 18 tháng 3 của năm báo cáo.

Báo cáo 6 tháng: Thời kỳ lấy số liệu từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 6 của năm báo cáo. Tổng cục Thống kê gửi báo cáo về Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 21 tháng 6 của năm báo cáo. Cục Thống kê gửi báo cáo về Tổng cục Thống kê trước ngày 18 tháng 6 của năm báo cáo.

Báo cáo 9 tháng: Thời kỳ lấy số liệu từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 9 của năm báo cáo. Tổng cục Thống kê gửi báo cáo về Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 21 tháng 9 của năm báo cáo. Cục Thống kê gửi báo cáo về Tổng cục Thống kê trước ngày 18 tháng 9 của năm báo cáo.

Báo cáo năm: Thời kỳ lấy số liệu từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo. Tổng cục Thống kê gửi báo cáo về Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 21 tháng 12 của năm báo cáo. Cục Thống kê gửi báo cáo về Tổng cục Thống kê trước ngày 18 tháng 12 của năm báo cáo."

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư như sau:

"2. Các loại báo cáo, thời kỳ lấy số liệu và thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo Quý I cho thời kỳ từ ngày 15 tháng 12 của năm trước đến ngày 14 tháng 3 của năm báo cáo; gửi về Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 21 tháng 3 của năm báo cáo;

b) Báo cáo sơ kết 6 tháng cho thời kỳ từ ngày 15 tháng 12 của năm trước đến ngày 14 tháng 6 của năm báo cáo; gửi về Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 21 tháng 6 của năm báo cáo;

c) Báo cáo 9 tháng cho thời kỳ từ ngày 15 tháng 12 của năm trước đến ngày 14 tháng 9 của năm báo cáo; gửi về Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 21 tháng 9 của năm báo cáo;

d) Báo cáo tổng kết năm cho thời kỳ từ ngày 15 tháng 12 của năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo; gửi về Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 21 tháng 12 của năm báo cáo."

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài như sau:

1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 23 như sau:

"1. Đối với các chương trình, dự án:

Chủ dự án có nhiệm vụ lập báo cáo về tình hình thực hiện chương trình, dự án gửi cơ quan chủ quản, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện chương trình, dự án và nhà tài trợ.

Bộ mẫu biểu báo cáo cấp chủ dự án gồm các mẫu biểu báo cáo 6 tháng, và cả năm theo Mẫu IV-GSĐG 1, báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công theo Mẫu IV-GSĐG 2, báo cáo giám sát đánh giá khi điều chỉnh dự án theo Mẫu IV-GSĐG 3 và báo cáo kết thúc chương trình, dự án theo Mẫu IV-GSĐG 4 trong Phụ lục IV của Thông tư này. Ban quản lý dự án phải xây dựng và trình các báo cáo nêu trên lên chủ dự án để chủ dự án gửi các báo cáo này cho cơ quan chủ quản và các cơ quan liên quan và cập nhật lên hệ thống giám sát và đánh giá đầu tư.

a) Báo cáo 6 tháng và cả năm:

Báo cáo 6 tháng và cả năm áp dụng đối với tất cả các chương trình, dự án.

Báo cáo 6 tháng tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước đến ngày 14 tháng 6 của năm báo cáo. Báo cáo cả năm tính từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

Trước ngày 21 tháng 6 và ngày 21 tháng 12, chủ dự án gửi Báo cáo 6 tháng, cả năm về tình hình thực hiện chương trình, dự án theo Mẫu IV-GSĐG 1 trong Phụ lục IV của Thông tư này về cơ quan chủ quản, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và nhà tài trợ nước ngoài, đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Riêng Biểu Phụ đính GSĐG 1.1 chỉ gửi một lần trong kỳ

báo cáo 6 tháng đầu tiên và chỉ phải gửi lại khi có thay đổi trong điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết. Đối với báo cáo gửi nhà tài trợ nước ngoài, ngoài bản tiếng Việt kèm theo bản tiếng Anh, trừ khi có thỏa thuận khác.

Đối với các chương trình, dự án không có các nội dung liên quan đến đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư, bảo vệ môi trường không phải lập Biểu Phụ đính GSĐG 1.6 và Biểu Phụ đính GSĐG 1.7."

2. Sửa đổi Điều 24 như sau:

"Điều 24. Chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi cấp cơ quan chủ quản

Trước ngày 21 tháng 6 và ngày 21 tháng 12, cơ quan chủ quản phải lập và gửi Báo cáo tổng hợp về tình hình vận động, tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, kết quả thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quản lý theo Mẫu IV-GSĐG 5 trong Phụ lục IV của Thông tư này bằng văn bản và bản điện tử về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Báo cáo 6 tháng tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước đến ngày 14 tháng 6 của năm báo cáo. Báo cáo cả năm tính từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo."

3. Sửa đổi Điều 25 như sau:

"Điều 25. Chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi cấp quốc gia

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập Báo cáo tổng hợp định kỳ 6 tháng và cả năm về tình hình vận động, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi ở cấp quốc gia theo Mẫu IV-GSĐG 6 trong Phụ lục IV của Thông tư này trình Thủ tướng Chính phủ (bằng văn bản và bản điện tử), thông báo cho Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan (bằng văn bản và bản điện tử). Báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 25 tháng 6 hằng năm và báo cáo năm gửi trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

2. Bộ Tài chính lập Báo cáo tổng hợp định kỳ 6 tháng và cả năm về tình hình giải ngân, rút vốn, thanh toán và trả nợ đối với nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi vay nợ ở cấp quốc gia theo Mẫu IV-GSĐG 7 trong Phụ lục IV của Thông

tư này trình Thủ tướng Chính phủ (bằng văn bản và bản điện tử), thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan (bằng văn bản và bản điện tử). Báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 25 tháng 6 hằng năm và báo cáo năm gửi trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

Báo cáo 6 tháng tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước đến ngày 14 tháng 6 của năm báo cáo. Báo cáo cả năm tính từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo."

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

1. Sửa đổi Khoản 4 Điều 7 như sau:

"4. Trước ngày 21 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về tổ chức, thực hiện Thông tư này của năm trước đó, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và giám sát."

2. Bổ sung Khoản 5 Điều 7 như sau:

"5. Báo cáo cả năm tính từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo."

Điều 10. Sửa đổi Khoản 2 và Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư như sau:

"2. Thời hạn báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm:

a) Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 21 tháng 12 năm báo cáo;

b) Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trên cả nước theo định kỳ hằng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp phải được trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 25 tháng 12 năm báo cáo.

c) Báo cáo hằng năm tính từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo."

3. Trường hợp các thời điểm báo cáo nêu trên trùng với ngày nghỉ hàng tuần hoặc nghỉ lễ theo quy định của pháp luật về lao động thì thời điểm báo cáo là ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ hoặc thời điểm nghỉ lễ."

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn và ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài như sau:

1. Sửa đổi Khoản 11, Khoản 12, Khoản 13 Điều 2 như sau:

"11. Mẫu số 10: Báo cáo định kỳ hằng quý tình hình thực hiện dự án tại nước ngoài;

12. Mẫu số 11: Báo cáo định kỳ hằng năm tình hình thực hiện dự án tại nước ngoài;

13. Mẫu số 12: Mẫu báo cáo tình hình hoạt động đầu tư ra nước ngoài hằng năm sau khi có quyết toán thuế tại nước ngoài;"

2. Bổ sung Điều 2a sau Điều 2:

"Điều 2a. Quy định về báo cáo định kỳ tình hình thực hiện dự án tại nước ngoài

1. Báo cáo định kỳ hằng quý tình hình thực hiện dự án tại nước ngoài: Theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư (nếu có) trước ngày 21 của tháng cuối kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hằng năm tình hình thực hiện dự án tại nước ngoài: Theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư (nếu có) trước ngày 21 tháng 12 của kỳ báo cáo."

3. Sửa đổi tiêu đề Mẫu số 10: "Báo cáo định kỳ hằng quý (Quý…/Năm…) tình hình hoạt động dự án đầu tư tại nước ngoài."

Bỏ nội dung "(Báo cáo trước ngày 05 của tháng tiếp sau quý báo cáo)" tại Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT.

4. Bỏ nội dung "(Báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm sau năm báo cáo)" tại Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT."

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

"Điều 18. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo đấu thầu

1. Chỉ tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đấu thầu.

2. Xây dựng tài liệu giảng dạy, bộ đề kiểm tra phù hợp với chương trình khung theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đăng tải danh sách học viên được cấp chứng chỉ đào tạo đấu thầu cơ bản theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

4. Trước ngày 21 tháng 12 hàng năm, gửi báo cáo hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu bằng văn bản về Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung báo cáo thực hiện theo Mẫu số 5 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời gửi báo cáo dưới dạng tập tin (định dạng Word) đến địa chỉ daotaodauthau@mpi.gov.vn.

5. Báo cáo hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu hằng năm được tính từ ngày 15 của tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

Điều 19. Trách nhiệm của giảng viên đấu thầu

1. Giảng dạy theo đúng chương trình khung quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thường xuyên cập nhật kiến thức, cơ chế, chính sách pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

3. Trước ngày 21 tháng 12 hằng năm, gửi báo cáo hoạt động giảng dạy về đấu thầu bằng văn bản về Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung báo cáo thực hiện theo Mẫu số 6 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời gửi báo cáo dưới dạng tập tin (định dạng Word) đến địa chỉ daotaodauthau@mpi.gov.vn.

4. Báo cáo hoạt động giảng dạy về đấu thầu hằng năm được tính từ ngày 15 của tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo."

Điều 13. Sửa đổi Điều 9 Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạnglưới tư vấn viên như sau:

"Điều 9. Báo cáo tình hình hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên

Trước ngày 21 tháng 12 hằng năm, các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh tổng hợp tình hình hoạt động của mạng lưới tư vấn viên và thực hiện hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên (theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này), gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung trong báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Khoản 1 Điều 22 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Báo cáo tình hình hoạt động của mạng lưới tư vấn viên và thực hiện hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên hằng năm được tính từ ngày 15 của tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo."

Điều 14. Bãi bỏ Điều 1 và Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Chương II
HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Điều 15. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo, tiến tới thực hiện báo cáo điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm về thời gian, chi phí cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký điện tử thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 16. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư được xây dựng tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trên nền tảng của Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý và khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đảm bảo tuân thủ Kiến trúc Chính phủ điện tử; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu phục vụ kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi giữa các Hệ thống thông tin báo cáo.

3. Đảm bảo khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin thông suốt giữa Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, cơ quan, địa phương.

Điều 17. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

1. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đáp ứng yêu cầu chung về chức năng cơ bản của Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ của Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đáp ứng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Văn phòng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Trung tâm Tin học và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ:

a) Xử lý, tổng hợp thông tin, báo cáo của các cơ quan, đơn vị theo nội dung quy định tại Thông tư này;

b) Quản lý Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo lộ trình và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ;

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Trung tâm Tin học phối hợp với Văn phòng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, công nghệ để bảo mật, liên thông, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia.

3. Trung tâm tin học tổ chức thực hiện việc cấp, quản lý sử dụng chứng thư số cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị về giải pháp tích hợp dịch vụ chữ ký số bảo đảm tính an toàn, xác thực, toàn vẹn thông tin và liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2019.

2. Danh mục báo cáo định kỳ được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Các chế độ báo cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị bãi bỏ.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
I	***Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác***					
1	Báo cáo tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của tổ hợp tác trên địa bàn	Ủy ban nhân dân cấp xã	- Phòng Tài chính - Kế hoạch; - Các Phòng quản lý chuyên ngành có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	- Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng năm	Khoản 2 Mục III Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 Hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác (Thông tư số 04/2008/TT-BKH)	Sửa đổi Khoản 2 Mục III Thông tư số 04/2008/TT-BKH về thời hạn gửi báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu báo cáo.
2	Báo cáo tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của tổ hợp tác trên địa bàn	Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	- Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Các Sở quản lý chuyên ngành có liên quan	- Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng năm	Khoản 3 Mục III Thông tư số 04/2008/TT-BKH	Sửa đổi Khoản 3 Mục III Thông tư số 04/2008/TT-BKH về thời hạn gửi báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu báo cáo.

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
3	Báo cáo tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của tổ hợp tác trên địa bàn	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư và; - Các Bộ, ngành có liên quan	- Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng năm	Khoản 4 Mục III Thông tư số 04/2008/TT-BKH	Sửa đổi Khoản 4 Mục III Thông tư số 04/2008/ TT-BKH về thời hạn gửi báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu báo cáo.
II	***Thông tư số 09/2009/TT-BKH ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện dự án thuộc các Chương trình tín dụng chuyên ngành thuộc nguồn vốn vay Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)***					
4	Báo cáo tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh	Ban Quản lý dự án tỉnh	Ban Quản lý chương trình	Định kỳ hằng quý	Điểm g Khoản 5.2 Phần II Thông tư số 09/2009/TT-BKH ngày 30/10/2009 hướng dẫn thực hiện dự án thuộc các Chương trình tín dụng chuyên ngành thuộc nguồn vốn vay Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) (Thông tư số 09/2009/TT-BKH)	Sửa đổi, bổ sung Khoản 5.2 Điều 5 Phần II Thông tư số 09/2009/TT-BKH để quy định các nội dung còn thiếu
5	Báo cáo tiến độ thực hiện dự án	Ban Quản lý dự án	Ban Quản lý dự án tỉnh	Định kỳ hằng quý	Điểm d Khoản 5.3 Phần II Thông tư số 09/2009/TT-BKH	Sửa đổi, bổ sung Khoản 5.3 Phần II Thông tư số 09/2009/ TT-BKH để quy định các nội dung còn thiếu

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
III	***Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài***					
6	Báo cáo 6 tháng của chủ Ban Quản lý chương trình, dự án	Ban Quản lý chương trình, dự án	Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài	Định kỳ 6 tháng	- Khoản 1 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Nghị định số 93/2009/NĐ-CP), - Điều 9 Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/ NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Thông tư số 07/2010/TT-BKH),	Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 07/2010/ TT-BKH đảm bảo đáp ứng quy định về thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu và quy định các nội dung còn thiếu. Bãi bỏ Điều 1 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT ngày 27/12/2018

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
					- Điều 1 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT ngày 27/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT)	
7	Báo cáo năm của chủ Ban Quản lý chương trình, dự án	Ban Quản lý chương trình, dự án	Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài	Định kỳ hằng năm	- Khoản 1 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, - Điều 9 Thông tư số 07/2010/TT-BKH, - Điều 1 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT	Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 07/2010/TT-BKH đảm bảo đáp ứng quy định về thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu và quy định các nội dung còn thiếu. Bãi bỏ Điều 1 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT ngày 27/12/2018

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
8	Báo cáo 6 tháng của chủ khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài	Chủ khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài	- Cơ quan chủ quản, - Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, - Bộ Tài chính và Bên tài trợ (nếu có yêu cầu)	Định kỳ 6 tháng	- Khoản 1 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, - Điều 10 Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 07/2010/ TT-BKH đảm bảo đáp ứng quy định về thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu và quy định các nội dung còn thiếu.
9	Báo cáo năm của chủ khoản viện trợ PCPNN	Chủ khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài	- Cơ quan chủ quản; - Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN; - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Bộ Tài chính; - Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN; - Bên tài trợ (nếu có yêu cầu)	Định kỳ hằng năm	- Khoản 1 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, - Điều 10 Thông tư số 07/2010/TT-BKH	Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 07/2010/ TT-BKH đảm bảo đáp ứng quy định về thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu và quy định các nội dung còn thiếu.

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
10	Báo cáo tổng hợp 6 tháng và hằng năm về kết quả vận động và tình hình thực hiện các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản	Cơ quan chủ quản	- Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN; - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Bộ Tài chính; - Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam; - Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN	- Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng năm	- Khoản 1 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, - Điều 11 Thông tư số 07/2010/TT-BKH	Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 07/2010/TT-BKH đảm bảo đáp ứng quy định về thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu và quy định các nội dung còn thiếu.
11	Báo cáo tổng hợp 6 tháng và hằng năm về kết quả phê duyệt, quản lý các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN	Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính	- Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng năm	- Khoản 1 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, - Điều 12 Thông tư số 07/2010/TT-BKH	Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Thông tư số 07/2010/TT-BKH đảm bảo đáp ứng quy định về thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu và quy định các nội dung còn thiếu.

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
12	Báo cáo tổng hợp định kỳ hằng năm về tình hình vận động, thu hút viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (*PCPNN*) của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hằng năm	- Khoản 3 Điều 38 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, - Điều 13 Thông tư số 07/2010/TT-BKH	Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư số 07/2010/TT-BKH về thời hạn gửi báo cáo; thời điểm chốt số liệu báo cáo
13	Báo cáo tổng hợp định kỳ hằng năm về tình hình tiếp nhận, giải ngân các khoản viện trợ PCPNN trong cả nước	Bộ Tài chính	- Trình Thủ tướng Chính phủ - Thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan	Định kỳ hằng năm	Điều 14 Thông tư số 07/2010/TT-BKH	Sửa đổi ngay Điều 14 Thông tư số 07/2010/TT-BKH về thời hạn gửi báo cáo; thời điểm chốt số liệu báo cáo
14	Báo cáo tổng hợp định kỳ hằng năm về tình hình phê duyệt, thực hiện các khoản viện trợ PCPNN trong cả nước	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Trình Thủ tướng Chính phủ; - Thông báo cho Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan	Định kỳ hằng năm	Điều 15 Thông tư số 07/2010/TT-BKH	Sửa đổi ngay Điều 15 Thông tư số 07/2010/TT-BKH về thời hạn gửi báo cáo; thời điểm chốt số liệu báo cáo

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
IV	***Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐTngày 27 tháng 3 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020***					
15	Báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện phát triển bền vững theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT	- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Các tổ chức, đoàn thể	Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Định kỳ hằng năm	Điều 17 Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT ngày 27/3/2013 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 (Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT)	Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Thông tư số 02/2013/ TT-BKHĐT quy định về thời điểm chốt số liệu báo cáo; Mẫu hóa mẫu báo cáo tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư số 02/2013/ TT-BKHĐT (nếu có thể)
V	***Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã***					
16	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Hợp tác xã; - Liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã	Định kỳ hằng năm	- Phụ lục số I-19 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019, *hiệu lực: 28/5/2019*	Sửa đổi Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 03/2014/ TT-BKHĐT về thời hạn gửi báo cáo; bổ

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
					- Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã (Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT); - Điều 23 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 Quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã (Nghị định số 193/2013/NĐ-CP); - Điều 9 Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012	sung thời điểm chốt số liệu báo cáo
17	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã ở cấp huyện	Cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện	Cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh	Định kỳ hằng năm	- Phụ lục số II-16 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 - Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT	Sửa đổi Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 03/2014/ TT-BKHĐT về thời hạn gửi báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu báo cáo

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
					- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã (Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT); - Điều 9 Luật số 23/2012/QH13	
18	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã ở cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hằng năm	Phụ lục số II-17 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 - Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Điều 9 Luật số 23/2012/QH13	Sửa đổi Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT về thời hạn gửi báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu báo cáo

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
VI	***Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư; Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành đối với thanh tra chuyên ngành thống kê***					
19	Báo cáo về công tác thanh tra chuyên ngành, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Định kỳ hằng quý; - Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng năm	- Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư (Nghị định số 216/2013/NĐ-CP) - Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT ngày 14/10/2014 Hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư; Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính	Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/ TT-BKHĐT về thời gian gửi báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
					phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành đối với thanh tra chuyên ngành thống kê (Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT)	
20	Báo cáo về công tác thanh tra, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng ngành Kế hoạch và Đầu tư	Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Tổng Thanh tra Chính phủ	Định kỳ hằng quý	- Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 216/2013/NĐ-CP - Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT ngày 14/10/2014 - Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT	Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT; Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT về thời gian gửi báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo
21	Báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	Định kỳ hằng quý	Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT	Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
22	Báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	Tổng cục Thống kê	Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hằng quý	Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT	Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT
VII	***Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư***					
23	Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hằng quý	Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT ngày 26/11/2014 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư (Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT)	Sửa đổi Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT về thời gian gửi báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo
24	Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành Kế hoạch và Đầu tư định kỳ hằng quý	Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Tổng thanh tra Chính phủ	Định kỳ hằng quý	Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT	Sửa đổi Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 08/2014/TT-BKHĐT về thời gian gửi báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
VIII	***Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài***					
25	Báo cáo về tình hình thực hiện chương trình, dự án	Chủ dự án	- Cơ quan chủ quản, - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, - Bộ Tài chính, - Bộ quản lý ngành liên quan, - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án Nhà tài trợ	- Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng năm	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 16/2016/NĐ-CP) không quy định cụ thể, - Điều 23 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT), - Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT.	Sửa đổi Điều 23 Thông tư số 12/2016/ TT-BKHĐT về thời hạn gửi báo cáo thống nhất trước 20 tháng cuối kỳ báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu; số liệu thực tế; Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
26	Báo cáo tổng hợp về tình hình vận động, tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	Cơ quan chủ quản	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, - Bộ Tài chính - Đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Định kỳ 6 tháng; - Định kỳ hằng năm	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, - Điều 24 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT, - Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT	Sửa đổi Điều 24 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT về thời hạn gửi báo cáo thống nhất trước 20 tháng cuối kỳ báo cáo; bổ sung thời điểm chốt số liệu; số liệu thực tế; Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT
27	Báo cáo tổng hợp định kỳ 6 tháng và cả năm về tình hình vận động, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi ở cấp quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Trình Thủ tướng Chính phủ; - Thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan.	Định kỳ 6 tháng; Định kỳ hằng năm	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, - Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT, - Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT	Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
28	Báo cáo tổng hợp định kỳ 6 tháng và cả năm về tình hình giải ngân, rút vốn, thanh toán và trả nợ đối với nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi vay nợ ở cấp quốc gia	Bộ Tài chính	- Trình Thủ tướng Chính phủ; - Thông báo cho Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan.	Định kỳ 6 tháng; Định kỳ hằng năm	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, - Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT, - Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT	Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT
IX	***Thông tư 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia***					
29	Báo cáo về tổ chức, thực hiện Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hằng năm	Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT)	Sửa đổi Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT về thời hạn gửi báo cáo năm; bổ sung Điều 7 về thời điểm chốt số liệu báo cáo, nội dung yêu cầu báo cáo, đề cương, biểu mẫu (nếu có) Vụ KTNN.

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
X	***Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư***					
30	Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu	- Bộ, cơ quan ngang Bộ; - Cơ quan thuộc Chính phủ; - Cơ quan khác ở Trung ương; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Tập đoàn kinh tế nhà nước; - Tổng công ty 91	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hằng năm	- Điều 81, 84 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 (Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13); - Khoản 13 Điều 129 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP); - Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT)	Sửa đổi Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 06/2017/ TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 về thời hạn gửi báo cáo cho phù hợp với Nghị định 09/2019/NĐ-CP; bổ sung quy định về thời điểm chốt số liệu báo cáo.

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
31	Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tướng Chính phủ	Định kỳ hằng năm	- Điều 81, 84 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Khoản 13 Điều 129 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017	Sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 4 về thời hạn gửi báo cáo cho phù hợp với Nghị định 09/2019/NĐ-CP; bổ sung quy định về thời điểm chốt số liệu báo cáo.
XI	***Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn và ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài***					
32	Báo cáo định kỳ hằng quý tình hình thực hiện dự án tại nước ngoài	Nhà đầu tư	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư *(nếu có)*	Định kỳ hằng quý	- Điểm b Khoản 3 Điều 72 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25/9/2015 Quy định về đầu tư ra nước ngoài (Nghị định số 83/2015/NĐ-CP) - Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT	Sửa đổi các Khoản 11, 12, 13 Điều 2; bổ sung Điều 2a tại Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT các nội dung sau: - Thời điểm gửi báo cáo; - Thời gian chốt số liệu báo cáo

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
33	Báo cáo định kỳ hằng năm tình hình thực hiện dự án tại nước ngoài	Nhà đầu tư	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư *(nếu có)*	Định kỳ hằng năm	- Điểm b Khoản 3 Điều 72 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP	Sửa đổi các Khoản 11, 12, 13 Điều 2; bổ sung Điều 2a tại Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT các nội dung sau: - Thời điểm gửi báo cáo; - Thời gian chốt số liệu báo cáo
XII	***Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu***					
34	Báo cáo hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu	Cơ sở đào tạo đấu thầu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hằng năm	Khoản 4 Điều 18 Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT ngày 25/01/2019 quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu (Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT)	Sửa đổi thời điểm gửi báo cáo tại và bổ sung định thời điểm chốt số liệu báo cáo tại Điều 18 Thông tư số 04/2019/ TT-BKHĐT.
35	Báo cáo hoạt động giảng dạy về đấu thầu	Giảng viên đấu thầu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ hằng năm	Khoản 3 Điều 19 Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT ngày 25/01/2019	Sửa đổi thời điểm gửi báo cáo tại và bổ sung định thời điểm chốt số liệu báo cáo tại Điều 19 Thông tư số 04/2019/ TT-BKHĐT.

STT	Tên báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc giữ nguyên
XIII	***Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng***					
36	Báo cáo tình hình hoạt động của mạng lưới tư vấn viên và thực hiện hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên	- Các Bộ, - Cơ quan ngang bộ, - UBND cấp tỉnh.	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư *(nếu có)*	Định kỳ hằng năm	- Điểm b Khoản 3 Điều 72 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP, - Điều 9 Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên	Bổ sung Điều 9 Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT các nội dung: tần suất báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo.